TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 8 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoài Yên.

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST - HNGĐ ngày 21/5/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thi Vĩ K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Thi Vĩ K và anh Trần Văn P chung sống với nhau năm 1998 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2024, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo chị K trình bày do tính tình anh, chị không hòa hợp dẫn đến bất đồng ý kiến trong cuộc sống, anh P thường xuyên đánh đập chị nên đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, hiện chị và anh P đã sống ly thân từ khoảng hơn 04 tháng nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Đối với anh P cho rằng nguyên nhân mâu

thuẫn chị K trình bày là không đúng mà nguyên nhân chủ yếu là do anh nghi ngờ chị K có mối quan hệ với người đàn ông khác nên anh mới đánh chị từ đó giữa vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, hiện anh vẫn còn thương chị K nên yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ mà không đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị Thi Vĩ K và anh Trần Văn P chung sống có 03 người con là Trần Hữu Nghĩa, sinh ngày 10/02/1999, Trần Hữu Nhân, sinh ngày 22/5/2002 và Trần Văn Hiếu, sinh ngày 03/5/2012. Hiện cháu Nghĩa, cháu Nhân đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, chị K và anh P không đặt ra yêu cầu gì về con. Đối với cháu Hiếu, chị K yêu cầu nhận nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, riêng anh P cho rằng cháu Hiếu có nguyện vọng theo chị K nên anh cũng đồng ý giao cho chị K nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chị Thi Vĩ K và anh Trần Văn P xác định có tài sản chung nhưng khi ly hôn, chị K cùng anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Thi Vĩ K và anh Trần Văn P khai không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau năm 1998 nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét mâu thuẫn thực tế các đương sự trình bày là có thật, được các đương sự thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không phải chứng minh. Mặc dù, bị đơn cho rằng vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nên không đồng ý ly hôn nhưng trong khoảng thời gian sống ly thân cho đến trước thời điểm mở phiên Tòa xét xử, bị đơn không có động thái nào tác động để nguyên đơn thay đổi ý kiến quay trở lại chung sống với bị đơn và tại phiên tòa, bị đơn cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng vốn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong khi nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn, trường hợp Tòa án giải quyết không cho ly hôn, nguyên đơn cũng không chung sống cùng bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải xuất phát từ sự thương yêu, cảm thông, chia sẽ và giúp đỡ lẫn nhau thì mới đem lại hạnh phúc, đúng với mục đích tốt đẹp của hôn nhân, nếu một bên vợ hoặc bên chồng không còn tình cảm thì dù có cố

gắng gượng ép chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên có căn cứ để nhận định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn bị đơn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung là Trần Hữu Nghĩa, sinh ngày 10/02/1999; Trần Hữu Nhân, sinh ngày 22/5/2002 và Trần Văn Hiếu, sinh ngày 03/5/2012. Hiện cháu Nghĩa, cháu Nhân đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về con. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Hiếu đã có ý kiến được chung sống với nguyên đơn, ý kiến này phù hợp với lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa, nên việc nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Hiếu là có cở sở chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng, tuy Toà án đã giải thích cho nguyên đơn biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con nhưng nguyên đơn cho rằng có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dưỡng con – đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nguyên đơn và bị đơn xác định có tài sản chung nhưng khi ly hôn, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được với nhau, thì các đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện khác về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[5] Về nợ chung, nguyên đơn và bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử khong đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Thi Vĩ K về việc xin ly hôn anh Trần Văn P.

- Về con chung là Trần Hữu Nghĩa, sinh ngày 10/02/1999; Trần Hữu Nhân, sinh ngày 22/5/2002 và Trần Văn Hiếu, sinh ngày 03/5/2012. Hiện cháu Nghĩa, cháu Nhân đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, không đặt ra xem xét.

Riêng cháu Hiếu, tiếp tục giao cho chị Thi Vĩ K chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Trần Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn P có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, chị Thi Vĩ K và anh Trần Văn P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, chị Thi Vĩ K và anh Trần Văn P khai không có, nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Thi Vĩ K phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 17/5/2024, chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003507 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND thị trấn C, H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân